

KẾ HOẠCH

**Xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 2021-2023
đáp ứng tiêu chí giáo dục trong Chương trình xây dựng
xã, huyện đạt chuẩn Nông thôn mới nâng cao**

Căn cứ Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/ 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường tiểu học;

Căn cứ Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận trường đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Căn cứ Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non;

Căn cứ Quyết định số 4212/QĐ-UBND ngày 20/8/2018 của UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành bộ tiêu chí xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao thành phố Hà Nội giai đoạn 2018-2020;

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Gia Lâm lần thứ XXII, nhiệm kỳ 2020-2025, UBND huyện đã chỉ đạo các phòng, ban và các địa phương tập trung các nguồn lực xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia trên địa bàn. Đến hết năm 2020, có 70/78 trường mầm non, tiểu học, THCS công lập được công nhận đạt chuẩn quốc gia, đạt tỉ lệ 89,7%; trong đó: Cấp MN có 21/27 trường đạt chuẩn quốc gia, đạt tỉ lệ 77,8% (có 4 trường chuẩn mức độ 2); cấp TH có 26/28 trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia, đạt tỉ lệ 92,9% (có 8 trường đạt chuẩn mức độ 2); cấp THCS có 23/23 trường THCS đạt chuẩn quốc gia, đạt tỉ lệ 100%;

Qua kết quả đạt được đến hết năm 2020, căn cứ đặc điểm tình hình và yêu cầu phát triển giáo dục và đào tạo trên địa bàn, căn cứ kế hoạch xây dựng Nông thôn mới nâng cao, Nông thôn mới kiểu mẫu tại các xã trên địa bàn huyện, UBND huyện Gia Lâm xây dựng Kế hoạch trường học đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 2021-2023 trên địa bàn huyện, cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Tập trung chỉ đạo và huy động các nguồn lực đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị trường học; đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên; nâng cao chất lượng giáo dục đảm bảo thực hiện kế hoạch xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia.

- Củng cố vững chắc và nâng cao vượt chuẩn chất lượng các tiêu chí theo tiêu chuẩn trường học đạt chuẩn quốc gia.

- Xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1, 2 đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ 100% (20/20) xã đến hết năm 2023 đều đạt chuẩn Nông thôn mới nâng cao.

2. Chỉ tiêu thực hiện

2.1. Năm 2021:

a) Công nhận mới chuẩn quốc gia mức độ 1: 03 trường

STT	Tên trường	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	MN Quang Trung	10/2021	
2	MN Hoa Phụng	10/2021	
3	TH Quang Trung	10/2021	

b) Trường đề nghị công nhận mới và nâng chuẩn mức độ 2: 04 trường

STT	Tên trường	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	MN Cổ Bi	10/2021	
2	MN Ánh Sao	10/2021	
3	TH Đa Tốn	11/2021	
4	THCS Cổ Bi	11/2021	

c) Trường đề nghị công nhận lại: 06 trường

STT	Tên trường	Năm được công nhận	Thời gian đề nghị công nhận lại	Ghi chú
1	MN Kiều Ky	2016	10/2021	
2	TH Tiên Phong	2016	10/2021	
3	THCS Yên Viên	2014	10/2021	

4	THCS TT Trâu Quỳ	2013	10/2021	
5	THCS TT Yên Viên	2014	10/2021	
6	THCS Đặng Xá	2015	10/2021	

* Kết thúc năm 2021: Tiêu chí về giáo dục của các xã Đình Xuyên, Cổ Bi, Đặng Xá đạt tiêu chí của xã Nông thôn mới nâng cao.

2.2. Năm 2022:

a) Trường đề nghị nâng chuẩn mức độ 2: 7 trường

STT	Tên trường	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	MN Lệ Chi	9/2022	
2	MN Ninh Hiệp	9/2022	
3	TH Dương Hà	10/2022	
4	TH Kim Lan	10/2022	
5	TH Kiều Ky	10/2022	
6	TH Văn Đức	10/2022	
7	THCS Phú Thị	10/2022	

b) Đề nghị công nhận mới: 0 trường

c) Trường đề nghị công nhận lại: 10 trường

STT	Tên trường	Năm được công nhận	Thời gian đề nghị công nhận lại	Ghi chú
1	MN Đình Xuyên	2017	9/2022	
2	MN Hoa Sứ	2015	10/2022	
3	TH Lê Ngọc Hân	2017	9/2022	
4	TH Đặng Xá	2017	9/2022	
5	TH Đông Dư	2014	10/2022	
6	THCS Đình Xuyên	2017	9/2022	
7	THCS Văn Đức	2017	9/2022	
8	THCS Phù Đổng	2017	10/2022	
9	THCS Dương Quang	2017	10/2022	
10	THCS Trung Mậu	2017	10/2022	

* Kết thúc năm 2022: Tiêu chí về giáo dục của các xã Lệ Chi, Ninh Hiệp, Dương Hà, Kim Lan, Kiều Ky, Phú Thị, Đa Tốn, Văn Đức đạt tiêu chí của xã Nông thôn mới nâng cao.

2.3. Năm 2023:

a) Công nhận mới chuẩn quốc gia mức độ 1: 03 trường

STT	Tên trường	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	MN TT Yên Viên	10/2023	
2	MN Hoa Hồng	10/2023	
3	TH Nông Nghiệp	10/2023	

b) Trường đề nghị công nhận mới và nâng chuẩn mức độ 2: 04 trường

STT	Tên trường	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	MN Kim Sơn	9/2023	
2	MN trung Mầu	9/2023	
3	TH Dương Quang	10/2023	
4	THCS Đông Dư	10/2023	

c) Trường đề nghị công nhận lại: 10 trường

STT	Tên trường	Năm được công nhận	Thời gian đề nghị công nhận lại	Ghi chú
1	MN Phù Đổng	2018	3/2023	
2	MN Dương Hà	2018	10/2023	
3	MN Đa Tốn	2018	10/2023	
4	TH Cao Bá Quát	2018	3/2023	
5	TH Cổ Bi	2018	8/2023	
6	THCS Bát Tràng	2018	3/2023	
7	THCS Cao Bá Quát	2018	3/2023	
8	THCS Lệ Chi	2018	8/2023	
9	THCS Dương Hà	2018	8/2023	
10	THCS Ninh Hiệp	2018	10/2023	

* Kết thúc năm 2023: Tiêu chí về giáo dục của các xã Đông Dư, Trung Mầu, Kim Sơn, Dương Quang, Yên Thường đạt tiêu chí của xã Nông thôn mới nâng cao.

II. CÁC GIẢI PHÁP CHÍNH

1. Triển khai có hiệu quả Đề án, Kế hoạch của UBND huyện về giáo dục và đào tạo:

Tiếp tục triển khai Đề án, Kế hoạch thực hiện Đề án “Nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo trên địa bàn huyện Gia Lâm giai đoạn 2021-2026, định hướng đến năm 2030” các năm 2021, 2022 và 2023.

2. Tăng cường công tác tuyên truyền

- Gắn công tác xây dựng chuẩn quốc gia với công tác tự đánh giá của các nhà trường và công tác đánh giá ngoài.

- Tổ chức tuyên truyền trong đội ngũ cán bộ, công chức cơ quan quản lý giáo dục, cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh các cơ sở giáo dục để làm rõ vai trò, ý nghĩa của nhiệm vụ xây dựng và phát triển trường đạt chuẩn quốc gia nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo.

- Tuyên truyền nâng cao nhận thức, tăng cường trách nhiệm của cán bộ, nhân dân các xã, thị trấn của cộng đồng trong việc phối hợp thực hiện nhiệm vụ xây dựng và phát triển trường học đạt chuẩn quốc gia gắn với xây dựng Nông thôn mới nâng cao, Nông thôn mới kiểu mẫu.

3. Tiếp tục xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đáp ứng yêu cầu mới.

- Sắp xếp, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý và trình độ lý luận chính trị.

- Tuyển dụng, sắp xếp, bố trí đủ CBQL, nhân viên, giáo viên các bộ môn bảo đảm đạt chuẩn đào tạo; ưu tiên bố trí đủ giáo viên đạt chuẩn để thực hiện Chương trình GDPT 2018, đảm bảo đủ về số lượng, đúng cơ cấu, có chất lượng đáp ứng Tiêu chuẩn 1 và Tiêu chuẩn 2 về Tổ chức bộ máy và đội ngũ (Theo TT 17/2018/TT-BGDĐT, TT 18/2018/TT-BGDĐT, TT 19/2018/TT-BGDĐT).

- Chú trọng việc rèn luyện, giữ gìn và nâng cao phẩm chất đạo đức trong đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên nhà trường.

4. Tăng cường củng cố bộ máy tổ chức trong nhà trường theo Điều lệ trường học; bảo đảm hiệu lực, hiệu quả quản lý các hoạt động giáo dục của nhà trường

- Hiệu trưởng các nhà trường chủ động xây dựng phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường; Quản lý, chỉ đạo tốt các hoạt động của Hội đồng trường, Chi bộ và các tổ chức đoàn thể...

- Đề cao vai trò, trách nhiệm của hiệu trưởng trong thực hiện cải cách hành chính, quản lý việc thực hiện nhiệm vụ của nhà trường; Xây dựng quy chế hoạt

động, thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở; Phát huy quyền tự chủ trong quản lý tài chính, quản lý hành chính, tài chính, tài sản; Quản lý đội ngũ, quản lý các hoạt động giáo dục, bảo đảm an ninh, an toàn trường học...

5. Duy trì và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường

- Gắn chất lượng hoạt động giáo dục của nhà trường với trách nhiệm của hiệu trưởng; Hiệu trưởng là người xây dựng kế hoạch nhà trường để thực hiện chương trình cấp học và các hoạt động giáo dục khác; Thực hiện công tác phổ cập giáo dục theo cấp học tại địa phương...chịu trách nhiệm về kết quả giáo dục.

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các chủ trương đổi mới phương pháp dạy và học theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực của học sinh, xem đây là khâu đột phá để nâng cao chất lượng và kết quả học tập của học sinh, kích thích sự năng động sáng tạo của giáo viên trong giảng dạy; chú trọng tập huấn trang bị cho giáo viên về kiến thức và kỹ năng dạy học tích hợp trong nhà trường phổ thông.

- Sử dụng triệt để và có hiệu quả đồ dùng dạy học hiện có; tự làm đồ dùng dạy học; ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và dạy học. Phát huy hiệu quả của phòng học bộ môn, thư viện, thiết bị, phòng chức năng để hỗ trợ tích cực cho nâng cao chất lượng dạy học.

- Củng cố và nâng cao chất lượng những trường đã đạt chuẩn quốc gia mức độ 1; Tập trung xây dựng, phát triển phấn đấu nâng chuẩn mức độ 2.

6. Đẩy mạnh xã hội hóa công tác giáo dục

Tiếp tục nâng cao nhận thức và thực hiện tốt phương châm “Giáo dục là sự nghiệp toàn dân”. Huy động các nguồn lực xã hội cùng tham gia hoạt động giáo dục trên tất cả các mặt: giáo dục văn hóa và đạo đức cho học sinh; tham gia các hoạt động quản lý giáo dục; đầu tư phát triển trường, lớp, cơ sở vật chất trường học, cụ thể:

- Tăng cường sự phối hợp giữa các ngành, các cấp để đầu tư phát triển giáo dục, xây dựng phong trào xã hội học tập, phong trào xây dựng gia đình hiếu học, dòng họ hiếu học, phong trào khuyến học khuyến tài. Gắn trách nhiệm hạn chế tỷ lệ học sinh bỏ học với danh hiệu thi đua của địa phương.

- Nâng cao chất lượng hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh, tăng cường mối liên hệ giữa nhà trường và gia đình, trong đó, nhà trường đóng góp vai trò chủ động. Cải tiến nội dung các cuộc họp với cha mẹ học sinh để lấy ý kiến đóng góp từ học sinh và cha mẹ học sinh.

- Phát huy sự hỗ trợ tích cực của mặt trận tổ quốc, các đoàn thể vận động các doanh nghiệp, nhà hảo tâm và nhân dân ủng hộ về trí tuệ, vật chất trong công tác giáo dục. Công khai nguồn vận động và phương án sử dụng, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát để sử dụng nguồn vận động đúng mục đích.

- Giữ vững kỷ cương, nề nếp trong các hoạt động giáo dục của nhà trường; phát huy hơn nữa mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong giáo dục đạo đức, lối sống của học sinh; ngăn chặn có hiệu quả tình trạng tệ nạn xã hội xâm nhập vào học đường, bạo lực học đường.

7. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất và mua sắm trang thiết bị.

Hàng năm rà soát các dự án đầu tư (theo Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2026) cho các trường công nhận chuẩn mới, nâng chuẩn và công nhận lại chuẩn để thực hiện việc đầu tư xây dựng, nâng cấp cải tạo đáp ứng Tiêu chuẩn 3 về cơ sở vật chất và thiết bị dạy học (theo TT 17/2018/TT-BGDĐT, TT 18/2018/TT-BGDĐT, TT 19/2018/TT-BGDĐT).

- Mua sắm bổ sung trang thiết bị hàng năm theo kế hoạch.
- Mua sắm trang thiết bị, đồ dùng dạy học phục vụ Chương trình GDPT 2018. Cụ thể: Năm học 2021-2022 là trang thiết bị đồ dùng dạy học lớp 2, lớp 6; Năm học 2022-2023 là trang thiết bị đồ dùng dạy học lớp 3, lớp 7; Năm học 2023-2024 là trang thiết bị đồ dùng dạy học lớp 4, lớp 8; Năm học 2024-2025 là trang thiết bị đồ dùng dạy học lớp 5, lớp 9.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Tổng kinh phí thực hiện Kế hoạch: 256.150 triệu đồng (*Dự kiến kinh phí thực hiện tạm tính, kinh phí thực hiện thực tế sẽ được chuẩn xác theo hồ sơ, dự toán và quyết toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt*). Trong đó:

- Kinh phí đầu tư xây dựng: 208.600 triệu đồng.
- Kinh phí bổ sung phòng học, cơ sở vật chất: 22 600 triệu đồng.
- Kinh phí bổ sung trang thiết bị dạy học: 24 936 triệu đồng.

(Có biểu chi tiết kèm theo)

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Giáo dục và Đào tạo

- Phòng Giáo dục và Đào tạo là cơ quan thường trực của Ban chỉ đạo chịu trách nhiệm theo dõi, đôn đốc các địa phương triển khai xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia, tổng hợp báo cáo về UBND huyện.

- Chỉ đạo các nhà trường phấn đấu đạt chuẩn Quốc gia giai đoạn 2021-2023 thực hiện tốt công tác kiểm định, đánh giá ngoài theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp với các phòng, ban của huyện, các trường thực hiện việc rà soát, đánh giá tình hình thực hiện các tiêu chuẩn của các trường nằm trong kế hoạch, từ đó có giải pháp tham mưu cho UBND huyện, hoàn thiện hồ sơ để đề nghị các cấp có thẩm quyền kiểm tra công nhận trường đạt chuẩn quốc gia theo quy định của bộ Giáo dục và Đào tạo. Chịu trách nhiệm tư vấn, hướng dẫn các trường thực hiện tiêu chuẩn về quy mô trường, lớp, cơ sở vật chất và thiết bị.

2. Phòng Nội vụ

Phối hợp với phòng Giáo dục và Đào tạo bố trí đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên đảm bảo cho các trường đạt chuẩn quốc gia. Tham mưu cho UBND huyện thực hiện đạt tiêu chuẩn được giao.

3. Phòng Tài chính - Kế hoạch

- Tham mưu UBND Huyện cập nhật các dự án vào Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025, hàng năm và phân bổ Kế hoạch vốn hàng năm trình HĐND Huyện phê duyệt.

- Tham mưu bố trí nguồn kinh phí triển khai thực hiện theo kế hoạch theo quy định. Hướng dẫn các phòng, ban, đơn vị liên quan và các trường học thực hiện lập dự toán và thành quyết toán đúng quy định.

4. Ban Quản lý dự án- Đầu tư xây dựng

Phối hợp với các phòng, ban, đơn vị, Trường học và UBND các xã, thị trấn đẩy nhanh tiến độ công tác chuẩn bị đầu tư, tiến độ thi công các công trình, dự án theo Kế hoạch được duyệt, chịu trách nhiệm về tiến độ thực hiện các dự án.

5. UBND các xã, thị trấn

Tập trung các nguồn lực, ưu tiên các chương trình dự án đầu tư xây dựng, hỗ trợ kinh phí mua sắm, sửa chữa cải tạo nhỏ đảm bảo cho công tác xây dựng trường chuẩn quốc gia.

6. Các trường MN, TH, THCS

- Tổ chức triển khai học tập nghiên cứu Quy trình kiểm định, tự đánh giá trường học gắn liền với công tác xây dựng trường chuẩn quốc gia, chủ động trong tự đánh giá, khi đảm bảo đủ điều kiện, nhà trường hoàn thành hồ sơ đăng ký đánh giá ngoài.

- Xây dựng kế hoạch chi tiết của đơn vị trên cơ sở kế hoạch chung của ngành; có giải pháp hoàn thành các tiêu chuẩn sớm so với kế hoạch. Phối hợp UBND các xã, thị trấn xây dựng kế hoạch, lộ trình thực hiện công tác xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia; tập trung nâng cao chất lượng giáo dục, cảnh quan sư phạm nhà trường, phát huy tối đa CSVC, trang thiết bị hiện có; chuẩn bị đầy đủ các hồ sơ theo quy định về xây dựng trường chuẩn.

- Chủ động rà soát các tiêu chuẩn của đơn vị, đề ra các biện pháp thực hiện, tham mưu với các cấp có thẩm quyền để có hướng khắc phục những tiêu chuẩn chưa đạt theo quy định của trường đạt chuẩn quốc gia theo từng cấp học.

- Sau khi tự kiểm tra, rà soát, xét thấy đủ điều kiện đạt chuẩn, nhà trường hoàn thiện hồ sơ tự kiểm tra tại đơn vị đồng thời có tờ trình kèm theo báo cáo gửi phòng Giáo dục và Đào tạo để xem xét tham mưu cấp có thẩm quyền ra quyết định kiểm tra công nhận.

Trên đây là Kế hoạch xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 2021-2023, UBND huyện yêu cầu các phòng, ban, UBND các xã, thị trấn và các trường có trách nhiệm triển khai thực hiện đúng quy định./.

Nơi nhận:

- Thường trực HU, HUBND huyện;
- Chủ tịch, Phó CT UBND huyện;
- Các phòng: GD&ĐT; TC-KH; Nội vụ;
- Ban QLDA&TXD;
- UBND các xã, thị trấn;
- Các trường MN, TH, THCS;
- Lưu: VT, GD&ĐT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Lê Anh Quân

PHỤ LỤC: THỰC TRẠNG VÀ KẾ HOẠCH XÂY DỰNG TRƯỜNG ĐẠT CHUẨN QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 2021 - 2023

(Kèm theo Kế hoạch số

/KH-UBND ngày

/8/2021 của UBND huyện Gia Lâm)

STT	Xã, thị trấn	Trường	Trường đã đạt mức độ CQG	Năm đạt gần nhất	Kế hoạch 2021 - 2023						Trường đạt CQG đến hết năm 2023	Ghi chú
					Năm 2021		Năm 2022		Năm 2023			
					Mức CN mới	Mức CN lại	Mức CN mới	Mức CN lại	Mức CN mới	Mức CN lại		
1	Bát Tràng	Mầm non Bát Tràng	1	2019							1	
		Tiểu học Bát Tràng	2	2019							2	
		THCS Bát Tràng	1	2018					1		1	
2	Cổ Bi	Mầm non Cổ Bi	1	2018	2						2	
		Tiểu học Cổ Bi	1	2018		1				1	1	
		Tiểu học Trung Thành	2	2020							2	
		THCS Cổ Bi	1	2019	2					1	2	
3	Đa Tồn	Mầm non Đa Tồn	1	2018						1	1	
		Tiểu học Đa Tồn	1	2020			2				2	
		THCS Đa Tồn	1	2020							1	
4	Đặng Xá	Mầm non Đặng Xá	2	2019							2	
		Mầm non Ánh Sao			2						2	
		Tiểu học Đặng Xá	1	2017				1			1	
		Tiểu học Cao Bá Quát	1	2018	1					1	1	
		THCS Đặng Xá	1	2014		1					1	
		THCS Cao Bá Quát	1	2018	1					1	1	
5	Đình Xuyên	Mầm non Đình Xuyên	1	2017				1			1	
		Tiểu học Đình Xuyên	2	2020							2	
		THCS Đình Xuyên	1	2017				1			1	
6	Đông Dư	Mầm non Đông Dư	1	2017				1			1	
		Tiểu học Đông Dư	1	2015		1					1	
		THCS Đông Dư	1	2017			2				2	
7	Dương Hà	Mầm non Dương Hà	1	2019							1	
		Tiểu học Dương Hà	1	2020				2			2	
		THCS Dương Hà	1	2018						1	1	

STT	Xã, thị trấn	Trường	Trường đã đạt mức độ CQG	Năm đạt gần nhất	Kế hoạch 2021 - 2023						Trường đạt CQG đến hết năm 2023	Ghi chú
					Năm 2021		Năm 2022		Năm 2023			
					Mức CN mới	Mức CN lại	Mức CN mới	Mức CN lại	Mức CN mới	Mức CN lại		
8	Dương Quang	Mầm non Dương Quang	1	2019							1	
		Tiểu học Dương Quang	1	2020					2		2	
		THCS Dương Quang	1	2017			1				1	
9	Dương Xá	Mầm non Dương Xá	1	2020							1	
		Tiểu học Dương Xá	2	2020							2	
		THCS Dương Xá	1	2019							1	
10	Kiêu Ky	Mầm non Kiêu Ky	1	2016		1					1	
		Tiểu học Kiêu Ky	1	2019			2				2	
		THCS Kiêu Ky	1	2020							1	
11	Kim Lan	Mầm non Kim Lan	1	2020			2				2	
		Tiểu học Kim Lan	1	2017			2				2	
		THCS Kim Lan	1	2020							1	
12	Kim Sơn	Mầm non Kim Sơn	1	2018					2		2	
		Tiểu học Kim Sơn	1	2020							1	
		THCS Kim Sơn	1	2020							1	
13	Lệ Chi	Mầm non Lệ Chi	1	2016			2				2	
		Tiểu học Lệ Chi	1	2020							1	
		THCS Lệ Chi	1	2018			1			1	1	
14	Ninh Hiệp	Mầm non Ninh Hiệp	1	2020			2				2	
		Mầm non Bình Minh	2	2020							2	
		Tiểu học Ninh Hiệp	1	2020							1	
		Tiểu học Lê Ngọc Hân	1	2017				1			1	
		THCS Ninh Hiệp	1	2018		1				1	1	
15	Phù Đồng	Mầm non Phù Đồng	2	2018							2	
		Tiểu học Phù Đồng	1	2020							1	
		THCS Phù Đồng	1	2017				1			1	
16	Phú Thị	Mầm non Phú Thị	1	2020							1	
		Tiểu học Phú Thị	1	2020							1	
		THCS Phú Thị	1	2018			2				2	

STT	Xã, thị trấn	Trường	Trường đã đạt mức độ CQG	Năm đạt gần nhất	Kế hoạch 2021 - 2023						Trường đạt CQG đến hết năm 2023	Ghi chú
					Năm 2021		Năm 2022		Năm 2023			
					Mức CN mới	Mức CN lại	Mức CN mới	Mức CN lại	Mức CN mới	Mức CN lại		
17	Trung Mậu	Mầm non Trung Mậu							2		2	
		Tiểu học Trung Mậu	1	2019							1	
		THCS Trung Mậu	1	2017			1				1	
18	TT Trâu Quỳ	Mầm non TT Trâu Quỳ	2	2019							2	
		Mầm non Hoa Phượng				1					1	
		Mầm non Quang Trung				1					1	
		Tiểu học TT Trâu Quỳ	1	2020							1	
		Tiểu học Nông Nghiệp								1	1	
		THCS TT Trâu Quỳ	1	2013		1					1	
19	TT Yên Viên	Mầm non TT Yên Viên							1		1	
		Tiểu học TT Yên Viên	2	2020							2	
		THCS TT Yên Viên	1	2014		1					1	
20	Văn Đức	Mầm non Văn Đức	1	2020							1	
		Tiểu học Văn Đức	1	2017			2				2	
		THCS Văn Đức	1	2017				1			1	
21	Yên Thường	Mầm non Hoa Hồng							1		1	
		Mầm non Yên Thường	1	2020							1	
		Tiểu học Yên Thường	2	2020							2	
		Tiểu học Quang Trung				2					2	
		THCS Yên Thường	1	2020							1	
22	Yên Viên	Mầm non Hoa Sữa	1	2019							1	
		Tiểu học Tiên Phong	2	2016	2						2	
		Tiểu học Yên Viên	2	2019							2	
		THCS Yên Viên	1	2014		1				1	1	
HUYỆN GIA LÂM	MẦM NON		21/27								27/27	
	TIỂU HỌC		26/28		9	8	11	9	5	11	28/28	
	THCS		23/23								23/23	
	TỔNG CỘNG		70/78								78/78	

**TIẾN ĐỘ ĐỀ XUẤT ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TRƯỜNG CQG MỨC ĐỘ 2
ĐẠT TIÊU CHÍ XÃ NTM NÂNG CAO GIAI ĐOẠN 2021-2023**

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /8/2021 của UBND huyện Gia Lâm)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Xã	Năm đạt xã NTM nâng cao	Trường CQG mức độ 1			Trường CQG mức độ 2		Nhu cầu đầu tư xây dựng, bổ sung cơ sở vật chất để đạt trường CQG mức độ 2 (Chi tiết phụ lục kèm theo)				Ghi chú	
			Đã đạt	Chưa đạt	Năm đạt	Trường	Năm đạt	Tổng	Xây dựng	CSVC	TTBDH		
1	Đình Xuyên	2021	3/3			TH Đình Xuyên	2020						
2	Cổ Bi		4/4			MN Cổ Bi	2021	31 880	28 500		3 380		
3	Đặng Xá		4/5	MN Ánh Sao	2021	MN Ánh Sao	2021	3 560				3 560	
4	Đa Tồn	2022	3/3			TH Đa Tồn	2022	12 385	11 500			885	
5	Kim Lan		3/3			TH Kim Lan	2022	15 490	15 200			290	
6	Văn Đức		3/3			TH Văn Đức	2022	4 040		3 100		940	
7	Kiều Kỵ		3/3			TH Kiều Kỵ	2022	5 310	5 200			110	
8	Phú Thị		3/3			THCS Phú Thị	2022	58 500	58 500				
9	Dương Hà		3/3			TH Dương Hà	2022	4 500		4 200		300	
10	Lệ Chi		3/3			MN Lệ Chi	2022	3 385				3 385	
11	Ninh Hiệp		5/5			MN Ninh Hiệp	2022	3 375				3 375	
12	Kim Sơn	2023	3/3			MN Kim Sơn	2023	72 240	68 700			3 540	
13	Dương Quang		3/3			TH Dương Quang	2023	4 680		3 800		880	
14	Yên Thường		4/5	MN Hoa Hồng TH Quang Trung	2023 2021	TH Quang Trung	2021	1 325				1 325	
15	Đông Dư		3/3			THCS Đông Dư	2023	11 500		11 500			
16	Trung Mậu		2/3	MN Trung Mậu	2023	MN Trung Mậu	2023	23 980	21 000			2 980	
Tổng								256 150	208 600	22 600	24 950		

TỔNG HỢP KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRƯỜNG HỌC ĐẠT CHUẨN MỨC ĐỘ 2 GIAI ĐOẠN 2021-2023

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /8/2021 của UBND huyện Gia Lâm)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng số	Kế hoạch đạt chuẩn			Tổng nhu cầu đầu tư	Đã có dự án			Nhu cầu đầu tư bổ sung			Tiến độ thực hiện		Kế hoạch thực hiện						
			Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023		Quy mô đầu tư đã phê duyệt	Tổng mức đầu tư đã phê duyệt	Nhu cầu vốn đầu tư	Dự kiến kinh phí bổ sung	Nhu cầu đầu tư phòng học, phòng chức năng		Nhu cầu đầu tư trang thiết bị	Đã hoàn thành	Đang thi công	Giao nhiệm vụ chuẩn bị dự án	Phê duyệt CTĐT	Phê duyệt DA/BCKTKT	Phê duyệt TKBVTC-DT	Khởi công xây dựng	Hoàn thành
											Kinh phí dự kiến	Nội dung đầu tư									
TỔNG SỐ		15	3	8	4	256 150	343 431	208 600	47 550	22 600	24 950	7	5								
I	Khởi mầm non	6	2	2	2	138 420	160 127	118 200	20 220		20 220	2	2								
1	MN Ánh Sao	1	1			3 560			3 560		3 560	1									
2	MN Lê Chi	1		1		3 385			3 385		3 385	1									
3	MN Trung Mầu	1			1	23 980	Xây dựng 12 phòng học; khu hiệu bộ, chức năng, nhà thể chất và các hạng mục phụ trợ; đầu tư trang thiết bị đồng bộ theo tiêu chuẩn	42 204	21 000	2 980		2 980	1	x	x	x	x	x	x	T4/22	
4	MN Cổ Bi	1	1			31 880	Xây dựng bổ sung 10 nhóm lớp, cải tạo các khối nhà còn lại...; đầu tư đồng bộ trang thiết bị	41 628	28 500	3 380		3 380	1	x	x	x	x	x	x	T8/2021	
5	MN Kim Sơn	1			1	72 240	Cải tạo, sửa chữa và xây mới đồng bộ đảm bảo 20 nhóm lớp; đầu tư đồng bộ trang thiết bị theo tiêu chuẩn	76 295	68 700	3 540		3 540			x	x	T12/21	T10/22	T11/22	T7/23	
6	MN Ninh Hiệp	1		1		3 375			3 375		3 375										
II	Khởi tiểu học	7	1	5	1	47 730		118 258	31 900	15 830	11 100	4	3								
1	TH Quang Trung	1	1			1 325			1 325		1 325	1									
2	TH Dương Hà	1		1		4 500			4 500	4 200	Bổ sung 02 phòng học, 05 phòng bộ môn	300	1		T9/21	T10/21	T5/22		T6/22	T8/22	
3	TH Văn Đức	1		1		4 040			4 040	3 100	Bổ sung sân giáo dục thể chất, sơn lại toàn bộ trường	940	1		T9/21	T10/21	T5/22		T6/22	T8/22	
4	TH Dương Quang	1			1	4 680			4 680	3 800	Bổ sung 01 phòng học, 5 phòng bộ môn và các HMPT: cổng, tường rào	880	1		T9/21	T10/21	T5/22		T6/22	T8/22	
5	TH Đa Tốn	1		1		12 385	Xây dựng 15 phòng học, khu hiệu bộ, chức năng và các hạng mục phụ trợ; đầu tư đồng bộ trang thiết bị	30 365	11 500	885		885	1	x	x	x	x	x	x	T10/21	
6	TH Kim Lan	1		1		15 490	Xây dựng 17 phòng học, các phòng hiệu bộ, chức năng, nhà bếp, cải tạo nhà thể chất và các hạng mục phụ trợ; đầu tư đồng bộ trang thiết bị	43 238	15 200	290		290	1	x	x	x	x	x	x	T9/21	

STT	Nội dung	Tổng số	Kế hoạch đạt chuẩn			Tổng nhu cầu đầu tư	Đã có dự án			Nhu cầu đầu tư bổ sung			Tiến độ thực hiện		Kế hoạch thực hiện						
			Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023		Quy mô đầu tư đã phê duyệt	Tổng mức đầu tư đã phê duyệt	Nhu cầu vốn đầu tư	Dự kiến kinh phí bổ sung	Nhu cầu đầu tư phòng học, phòng chức năng		Nhu cầu đầu tư trang thiết bị	Đã hoàn thành	Đang thi công	Giao nhiệm vụ chuẩn bị dự án	Phê duyệt CIĐT	Phê duyệt DA/BCKTK T	Phê duyệt TKBVTC-ĐT	Khởi công xây dựng	Hoàn thành
											Kinh phí dự kiến	Nội dung đầu tư									
7	TH Kiều Ky	1		1		5 310	Xây dựng 21 phòng học; khu hiệu bộ, chức năng, nhà thể chất và các hạng mục phụ trợ; đầu tư đồng bộ trang thiết bị	44 655	5 200	110		110		1	x	x	x	x	x	T8/2021	
III	Khối THCS	2		1	1	70 000		65 046	58 500	11 500	11 500		1								
1	THCS Đồng Dư	1			1	11 500				11 500	11 500	Bổ sung phòng học, phòng bộ môn	1		T9/2021	T10/2021	T5/2022		T7/2022	T12/2022	
2	THCS Phú Thị	1		1		58 500	24 phòng học, phòng chức năng, khu hiệu bộ và các HMPT; đầu tư đồng bộ trang thiết bị theo tiêu chuẩn	65 046	58 500						x	x	T10/2021	T4/2022	T6/2022	T12/2022	